

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HS-ST
Ngày 15 - 01 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Long Minh Tùng.

Ông Hà Văn Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020, đối với bị cáo:

Nông Văn N, sinh ngày 29 tháng 8 năm 1987, tại Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông B (đã chết) và bà Triệu B; vợ con chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 21/10/2019 đến nay. Có mặt.

Bị hại: Bà Cáp T, sinh năm 1949. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Văn N là người nghiện chất ma túy từ lâu. Khoảng 12 giờ ngày 30/5/2019, Nông Văn N một mình đi bộ từ nhà đến nhà Đỗ L1 ở thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong, N mượn xe mô tô của L1 để đi đến nhà L2 cùng thôn N chơi.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, N đi bộ từ nhà L2 xuống quán hàng tạp hóa của bà Cáp T để mua thuốc lá. Khi N đi vào không có ai ở trong quán, N quan sát thấy có 01 (một) chiếc túi vải hoa nhiều màu đã cũ, để trong thùng bia cattong trên ghế cạnh quầy bán hàng, nghĩ rằng trong túi có tiền nên N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc túi vải, mục đích để lấy tiền tiêu sài cá nhân. N dùng tay phải cầm lấy chiếc túi vải rồi kẹp vào nách trái bên trong áo và đi ra khỏi quán. Khi đi ra đến ngoài cửa quán, N gặp bà Y trú tại thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, là người được bà Cáp T nhờ trông hộ quán hàng. Bà Y hỏi N “*cháu mua gì*”, T N trả lời “*cháu mua thuốc lá*”. Sau đó, N đi bộ về nhà L2 lấy xe mô tô, rồi đi về nhà L1 để trả xe mô tô cho L1. Trên đường về, khi còn cách nhà L1 khoảng 100 mét, N dừng xe, cất chiếc túi vải đã lấy trộm được vào hàng rào cạnh đường, rồi đi vào nhà L1. Sau khi trả xe mô tô xong, N đi bộ quay lại lấy chiếc túi vải T thấy trong túi vải có: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam (không rõ số lượng), nhiều thẻ cào điện thoại di động Viettel với nhiều mệnh giá khác nhau (không rõ số lượng), 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Qmobile, màu đen (dạng bàn phím) và 10 (mười) hộp dao lam nhãn hiệu Croma, còn mới. N lấy toàn bộ số tài sản cho vào hai túi quần, rồi rút chiếc túi vải ở hàng rào cạnh đường. Sau đó, N đi nhờ xe của người dân (không quen biết) sang huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, rồi bắt xe ô tô khách đi đến thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn thuê nhà nghỉ ở khu vực chợ Kỳ Lừa.

Tại nhà nghỉ, N kiểm đếm số tiền trộm cắp được có 9.500.000 đồng, số thẻ cào điện thoại di động Viettel có nhiều mệnh giá nhưng N không kiểm đếm số lượng cụ thể.

Đến ngày 31/5/2019, N mang toàn bộ số thẻ cào điện thoại bán cho một cửa hàng điện thoại (không rõ tên, địa chỉ) ở khu vực chợ Kỳ Lừa, bằng 70% giá trị mỗi thẻ cào, được tổng số tiền 7.700.000 đồng. Sau khi ở thành phố Lạng Sơn chơi khoảng 2-3 ngày T N đi xuống phòng trọ của bạn L3 ở Xóm Chùa, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang chơi. Khoảng 02-03 ngày sau, trong khi L3 không có mặt ở phòng trọ, N để chiếc điện thoại di động Qmobile trên giường trong phòng trọ của L3 rồi N đi sang tỉnh Hải Dương chơi với bạn là L4. Tại đây, N gọi điện thoại cho L3 hỏi về chiếc điện thoại di động Qmobile T biết L3 kiểm tra điện thoại thấy không sử dụng được nên L3 đã vứt đi. N đi chơi đến ngày 19/10/2019 T về nhà. Số tiền trộm cắp và số tiền bán thẻ cào, cùng 10 hộp dao lam N đã một mình sử dụng hết vào mục đích cá nhân. Ngày 21/10/2019, Nông Văn N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C bắt tạm giam.

Đối với chiếc túi vải hoa nhiều màu, đã cũ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Qmobile, màu đen N lấy trộm tại quán bán hàng của bà Cáp T, Công an huyện C đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

Tại bản Kết L3 định giá tài sản số 46/KL-HĐĐGTS ngày 02/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, kết luận:

- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Qmobile, màu đen (dạng bàn phím), đã qua sử dụng, không có thông số kỹ thuật và không có điện thoại nên hội đồng định giá không có căn cứ để xác định giá.

- 10 hộp dao lam nhãn hiệu Croma, còn mới, có giá trị là 180.000 đồng.

Với nội dung như trên, Cáo trạng số 10/CT-VKSCL ngày 31 tháng 12 năm 2019, Viện sát nhân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nông Văn N tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố và đồng ý bồi thường cho bà Cáp T, tổng số tiền 25.200.000 đồng.

Bà Cáp T trình bày: Ngày 30/5/2019, sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản và nghi ngờ Nông Văn N là người trộm cắp bà đã báo Công an và đến nhà N tìm hỏi nhưng N không có ở nhà. Nay bà T yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tài sản đã lấy trộm gồm: 9.500.000 đồng tiền mặt, thẻ cào điện thoại di động Viettel có tổng giá trị 15.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Qmobile có giá trị 500.000 đồng, 10 hộp dao lam nhãn hiệu Croma có giá trị 200.000 đồng. Tổng giá trị bà T yêu cầu bị cáo phải bồi thường 25.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung vì qua xác minh bị cáo không có tài sản để đảm bảo thi hành án. Về trách nhiệm dân sự, công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại buộc bị cáo phải trả cho bà Cáp T số tiền 25.200.000 đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được sớm trở về hòa nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 ngày 30/5/2019, tại thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Nông Văn N đã có hành vi trộm cắp một chiếc túi vải hoa nhiều màu, đã cũ của bà Cáp T, bên trong có tài sản gồm: Số tiền 9.500.000 đồng, nhiều thẻ cào điện thoại di động

Viettel có giá trị 11.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Qmobile, màu đen (dạng bàn phím), không xác định được giá trị và 10 hộp dao lam nhãn hiệu Croma có trị giá 180.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, quyền này được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu để lén lút chiếm đoạt tài sản, hành vi đó của bị cáo đã ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn nên cần được xử lý nghiêm trước pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người nghiện chất ma túy, bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự lần phạm tội này là lần đầu. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh thể hiện bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Xét lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân và về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà Cáp T và bị cáo tự nguyện thỏa thuận bồi thường về giá trị tài sản bị trộm cắp ngày 30/5/2019 với tổng số tiền 25.200.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 357; Điều 584; Điều 589 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử công nhận.

[8] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 357; Điều 584; Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/10/2019.
3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nông Văn N và bà Cáp T. Bị cáo Nông Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Cáp T số tiền 25.200.000 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).
- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.
4. Về án phí: Bị cáo Nông Văn N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.260.000 đồng (một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.
- Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Chi Lăng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Chi Lăng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Chi Lăng;
- Chi cục THADS huyện Chi Lăng;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hải Đoàn